TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ LỘC** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 11/4/2019.
"V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Sang.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Xuân Hương và bà Cái Diệu Trang.
- Thư ký phiên toà: Bà Đoàn Anh Nga, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc.
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Hữu Lành, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2019, về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/3/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Dương Quang Linh S, sinh năm 1972. Địa chỉ: Thôn A, thị trấn L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Phan Thị H, sinh năm 1976. Địa chỉ: Thôn A, thị trấn L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt (lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 04/01/2019 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Dương Quang Linh S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Dương Quang Linh S và chị Phan Thị H tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau một thời gian thì kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L (nay là UBND thị trấn L), huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế ngày 15/11/1999. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nên thường xuyên cải vả, xúc phạm nhau, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Từ năm 2011 đến nay vợ chồng sống ly thân, không quan tâm, chăm sóc cho nhau. Nay anh S nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục được, tình cảm vợ chồng không còn nên anh S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Phan Thị H.

Về con chung: Anh Dương Quang Linh S trình bày vợ chồng có 02 người con chung là Dương Quang Linh T, sinh ngày 01/4/2000 và Dương Phan Thùy T1, sinh ngày 26/7/2001. Cháu T đã trên 18 tuổi, anh S không yêu cầu Tòa án

giải quyết; đối với cháu T1, anh S yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị Hoa cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Dương Quang Linh S trình bày vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, anh Dương Quang Linh S đã nộp các tài liệu, chứng cứ gồm: Bản chính giấy chứng nhận kết hôn; bản sao trích lục khai sinh 02 người con; bản sao sổ hộ khẩu gia đình; bản sao giấy chứng minh nhân dân của anh S và chị H.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho chị Phan Thị H nhưng trong thời hạn luật định chị H không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án và đều vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên họp, phiên hòa giải.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương và gia đình, bà Lê Thị T (mẹ chị H) cho biết đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án tống đạt cho chị H gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Gia đình đã thông báo, giao lại các văn bản trên cho chị H nhưng do bận công việc làm ăn nên chị H không đến Tòa án được.

Tại phiên tòa ngày 03/4/2019 chị H vắng mặt nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa, ấn định mở lại phiên tòa vào ngày 11/4/2019, đồng thời thực hiện tống đạt Quyết định hoãn phiên tòa cho chị H theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa lần thứ hai, chị H tiếp tục vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng, không có mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải, vắng mặt tại các phiên tòa không rõ lý do làm ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội; đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiên của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh S về việc xin ly hôn chị H; chấp nhận yêu cầu của anh S về việc nuôi con chung, giao cháu Dương Phan Thùy T1, sinh ngày 26/7/2001 cho anh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, nợ chung anh S trình bày không có nên không xem xét; đề nghị xử buộc đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên toà, nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo quy định tại các Điều 175, Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự việc Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập chị Phan Thị H là hợp lệ nhưng chị H đều vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào yêu cầu và tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Dương Quang Linh S và chị Phan Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L (nay là thị trấn L), huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế ngày 15/11/1999. Do đó quan hệ hôn nhân giữa anh S, chị H là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét mâu thuẫn vợ chồng thấy rằng, sau khi kết hôn vợ chồng anh S và chị H chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống nên giữa hai người thường xuyên cãi vả xúc phạm lẫn nhau. Mặc dù đã được hòa giải nhưng từ đầu năm 2011 đến nay hai người sống ly thân, cuộc sống của ai người đó tự lo liệu không ai quan tâm, chăm sóc cho nhau. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh S và chị H đã thực sự trầm trọng, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh S.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung là Dương Quang Linh T, sinh ngày 01/4/2000 và Dương Phan Thùy T1, sinh ngày 26/7/2001. Cháu T đã trên 18 tuổi, không bị nhược điểm về thể chất, anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết là có cơ sở. Đối với cháu T1 hiện đang ở với anh S nên cần giao cho anh S tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp với thực tế và đúng pháp luật.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình thì khi ly hôn cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con; mặc dù đã được Hội đồng xét xử giải thích nhưng anh S không yêu cầu và cam đoan đủ điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con chung nên không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Dương Quang Linh S trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Dương Quang Linh S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Dương Quang Linh S. Anh Sơn được ly hôn chị Phan Thị H.

2. Về con chung: Giao cháu Dương Phan Thùy T1, sinh ngày 26/7/2001 cho anh Dương Quang Linh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi. Chị Phan Thị H không cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Phan Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Anh Dương Quang Linh S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/006420 ngày 04/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế. Anh S đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Phú Lộc;
- Chi cục THADS huyện Phú Lộc;
- UBND thị trấn L;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Sang